

Số: 56/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

V/v góp ý, đề xuất cho Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn dưới luật

- Kính gửi:**
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
 - Bộ Tư pháp
 - Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
 - Hội đồng Tư vấn Cải cách TTTC
 - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) trân trọng cảm ơn Quý Bộ và Quý Cơ quan đã luôn hỗ trợ và đồng hành cùng Hiệp hội và các DN thủy sản trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện môi trường kinh doanh.

Ngày 17/4/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NNMT) phối hợp với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (Ủy ban KH&CN&MT) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Tại Hội thảo, đại diện Hiệp hội VASEP đã phát biểu ý kiến và nhận được sự lắng nghe của Ban Chủ tọa Hội thảo. Theo đề nghị của Lãnh đạo Bộ NNMT và VCCI, Hiệp hội VASEP xin được tổng hợp nội dung phân tích, kiến nghị ban đầu của VASEP vào văn bản, cụ thể như sau:

A. DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. VẤN ĐỀ BẮT CẤP

Theo quy định hiện hành về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp (KCN) tại điểm a Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 (BVMT 2020) về “Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”, các doanh nghiệp hoạt động trong KCN phải **đấu nổi nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN**.

“1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở **phải thực hiện** việc đấu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và **xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư** xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó, trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nổi nước thải trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành”

Tại Mục 1 và khoản a Mục 3 Điều 86 “Thu gom, xử lý nước thải” cũng quy định:

“Điều 86. Thu gom, xử lý nước thải

1. Đô thị, khu dân cư tập trung mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, **cum công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt** với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.

3. Quản lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quy định như sau:

a) Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cum công nghiệp **được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đầu nối** vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cum công nghiệp bảo đảm nước thải phải được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;”

Trên thực tế, cơ chế này đang làm phát sinh **hai cấp xử lý nước thải**, dẫn đến chi phí xử lý cao và làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (DN):

- Doanh nghiệp phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải để xử lý từ **nước thải đầu vào** → **đạt tiêu chuẩn cột B** của QCVN 40:2025/BTNMT (QCVN 40) với chi phí khoảng **7.500–9.000 đồng/m³**. DN xử lý để nước thải ra đạt **cột A** thì chi phí **10.000 – 12.000 đồng/m³**.
- Sau đó nước thải **đạt cột B** của DN tiếp tục được đưa vào **hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý từ đạt cột B QCVN 40** → đạt tiêu chuẩn cột A của **QCVN 40**, với phí xử lý phải nộp cho KCN từ **13.500–14.500 đồng/m³** (tùy KCN, tùy địa phương – có nơi lên đến 18.000 đ/m³).

Như vậy, tổng chi phí xử lý nước thải (2 bước) của doanh nghiệp thủy sản trong KCN lên tới **21.000 - 23.500 đồng/m³**.

Trong khi đó, nếu doanh nghiệp **tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn loại A ngay từ đầu**, chi phí xử lý chỉ khoảng **10.000–12.000 đồng/m³** như nêu trên. Và như vậy, cùng để xử lý ra chất lượng nước thải đạt **cột A** theo quy định, nhưng nếu (i) bắt buộc phải đầu nối vào khu XLNT tập trung của KCN, và (ii) đơn giá chi phí xử lý tiếp theo (từ B => A) áp vào DN của KCN là ở mức quá cao như trên, thì khiến cho DN thủy sản đang phải chi trả tổng chi phí cao hơn khoảng **2 - 2,1 lần**.

Đây là một khoản chi phí rất lớn đối với các ngành sản xuất có lượng nước thải lớn như chế biến thủy sản, mà nhiều nhà máy có công suất xả thải từ 800 – 3.000 m³/ngày đêm. Một nhà máy quy mô trung bình 1000 m³/ngày đêm sẽ phải **trả thêm** cho việc này khoảng 13,5 triệu/ngày đêm hay **350 triệu đồng/tháng**.

Sơ bộ hiện nay, chưa tính các nhà máy nhỏ & quy mô thủ công ở các tỉnh có nguồn lực thủy sản (mỗi Tỉnh có từ 50-200 cơ sở), thì trên toàn quốc có khoảng 1000 nhà máy chế biến thủy sản quy mô công nghiệp, có xuất khẩu. Trong đó, khoảng 700 nhà máy (70%) nằm trong các KCN ở các địa phương. Nếu tính trung bình khoảng 800 m³ nước thải/ngày đêm/nhà máy, thì số tiền các DN thủy sản phải **trả thêm khoảng**: 800 m³/ngày đêm/NM x 700 nhà máy x (13.500-14.500 đ/m³/ngày đêm) = **7,56 – 8,12 tỷ VNĐ/ngày đêm**, hay khoảng 200 tỷ đ/tháng.

II. NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

HH VASEP trân trọng báo cáo, kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và Bộ NNMT xem xét, bổ sung vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT (sửa đổi **Điều 53 và Điều 86** Luật BVMT 2020) và các văn bản dưới luật có liên quan theo hướng:

1. Linh hoạt, không bắt buộc chỉ một cơ chế là nhà máy phải đầu nối – mà cho 02 cơ chế rõ ràng: “**đầu nối**” và “**không đầu nối**, có điều kiện cụ thể, xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận phù hợp”;
2. Trường hợp **có đầu nối** (cho cả dự án mới và dự án đã vận hành) để khu XLNT tập trung của KCN xử lý tiếp nước thải từ cột B sang cột A thì đơn giá xử lý phải phù hợp chứ không phải là quá cao và bất cập như hiện nay; KCN phải công khai và niêm yết đơn giá trên website của KCN, thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước để minh bạch hóa chi phí;
3. Trường hợp **không đầu nối**: Cho phép doanh nghiệp chế biến thủy sản trong KCN được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, với điều kiện doanh nghiệp tự đầu tư và vận hành hệ thống xử lý nước thải riêng đảm bảo đầu ra đạt yêu cầu của Cột A theo QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường; đồng thời DN phải tuân thủ các điều kiện hợp lý khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính trách nhiệm và công tác giám sát ((*i*) lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (online) kết nối với cơ quan quản lý nhà nước, (*ii*) thực hiện kiểm tra, báo cáo định kỳ theo quy định của Giấy phép môi trường)

III. LÝ DO VÀ CƠ SỞ CHO KIẾN NGHỊ-ĐỀ XUẤT KỂ TRÊN:

1. Quy định của Việt Nam

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã nêu ra nguyên tắc nhất quán về việc cho phép DN miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN nhưng còn thiếu các quy định cụ thể về cơ chế, điều kiện thực thi và thủ tục cấp phép.

a) Quy định hiện hành đã đưa ra nguyên tắc cho phép miễn trừ

Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 52 Luật BVMT 2020 đã quy định:

“Các trường hợp đã được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường; có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật”.

Điểm b Khoản 2 Điều 52 của Nghị định 08 cũng quy định:

“Điều 52. Bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp

2. Cụm công nghiệp đang hoạt động phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

b) Các trường hợp đã được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường; có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, Luật BVMT 2020 và Nghị định 08 hiện hành đã ghi nhận nguyên tắc cho phép miễn trừ đầu nối tập trung. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy nguyên tắc miễn trừ này rất khó tiếp cận do trong Luật BVMT 2020, Nghị định 08 và các văn bản dưới luật khác có liên quan chưa có các quy định cụ thể hướng dẫn về cơ chế, quy trình, thủ tục xin miễn trừ đầu nối cũng như điều kiện để DN được miễn trừ đầu nối, tạo ra rào cản không cần thiết cho DN.

b) Mâu thuẫn với tinh thần cải cách của Chính phủ

Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Nghị quyết 02) đã nêu quan điểm chỉ đạo: “*Kịp thời tạo lập và hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm tháo bỏ rào cản, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn, chi phí thấp... Thực hiện nghiêm yêu cầu chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật, từ bỏ tư duy ‘không quản được thì cấm’, xóa bỏ cơ chế ‘xin – cho’ ... Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp”.*

Việc DN phải đầu nối và nộp phí xử lý nước thải tập trung KCN (theo đơn giá KCN đưa ra) trong khi nhiều DN có thể tự xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cột A của QCVN 40 để được phép xả ra môi trường là ***"bất cập, không linh hoạt, không tạo điều kiện cho DN có các phương án lựa chọn phù hợp và khiến chi phí tuân thủ của doanh nghiệp quá lớn"*** — điều Nghị quyết 02 yêu cầu xem xét điều chỉnh. Đây là điểm nghẽn cần được xem xét khơi thông.

2. Thông lệ quốc tế và quy định của các nước:

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phương thức quản lý nước thải công nghiệp theo tiêu chuẩn đầu ra (*performance-based / outcome-based*) - tức là yêu cầu đạt chuẩn chất lượng trước khi xả thải, bất kể doanh nghiệp tự xử lý hay đầu nối hệ thống tập trung - đang là xu hướng chủ đạo. Trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có nền công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, EU, ..., việc quản lý nước thải công nghiệp đều khuyến khích DN áp dụng công nghệ sạch và xử lý ngay tại nguồn và tập trung vào mục tiêu cuối cùng (chất lượng đầu ra) chứ không áp đặt cứng nhắc quy trình đầu nối:

a) Hoa Kỳ:

Tại Hoa Kỳ, hệ thống quản lý của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (US EPA) phân định rất rõ rệt giữa cơ sở xả thải trực tiếp (*Direct Discharger*) và cơ sở xả thải gián tiếp (*Indirect Discharger*).

- Nếu một cơ sở công nghiệp tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải theo Đạo luật Nước sạch (Clean Water Act) và được cấp Giấy phép xả thải quốc gia (NPDES), cơ sở đó hoàn toàn được phép xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận bên ngoài mà không phải đi qua Trạm xử lý nước thải công cộng (POTW).
- Việc bắt buộc đầu nối vào POTW (kèm theo các tiêu chuẩn Tiền xử lý - Pretreatment) chỉ áp dụng đối với những doanh nghiệp không đủ năng lực, quỹ đất hoặc công nghệ để tự xử lý triệt để và xin được Giấy phép xả thải quốc gia.

Doanh nghiệp được lựa chọn phương án phù hợp với năng lực kỹ thuật của mình. Mô hình này đảm bảo tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp và đáp ứng các phương thức quản trị hiện đại trên thế giới.

b) Liên minh Châu Âu:

Chỉ thị về phát thải công nghiệp của EU (IED) 2010/75/EU đưa ra nguyên tắc Công nghệ xử lý tốt nhất hiện có - BAT (Best Available Techniques), theo đó quy định rằng các cơ sở phải có giấy phép môi trường, phải áp dụng BAT để đảm bảo nước thải đầu ra đáp ứng các giá trị giới hạn phát thải (Emission Limit Values - ELVs) được quy định trong giấy phép môi trường của cơ sở. (IED) 2010/75/EU không có quy định nào bắt buộc doanh nghiệp phải

tham gia mô hình xử lý nước thải tập trung mà chỉ tập trung vào kết quả - yêu cầu cơ sở phải đạt tiêu chuẩn nước thải đầu ra.

3. Căn cứ khoa học

Về mặt kỹ thuật môi trường, quá trình xử lý nước thải bản chất là sự giảm trừ tải lượng chất ô nhiễm. Việc cho phép DN được lựa chọn giải pháp xả thải căn cứ trên kết quả xử lý nước thải phù hợp với đặc trưng của nước thải chế biến thủy sản, giúp nâng cao hiệu quả xử lý nước thải cũng như tránh lãng phí tài nguyên và nguồn lực chung:

a) Đặc tính nước thải chế biến thủy sản thuận lợi cho tự xử lý

Theo các nghiên cứu khoa học về nước thải chế biến thủy sản tại Việt Nam và quốc tế, nước thải của ngành này có các đặc điểm:

- Hàm lượng chất hữu cơ cao (BOD_5 từ 1.000 – 10.000 mg/L; COD từ 500 – 3.000 mg/L) nhưng có tỷ lệ BOD/COD cao ($>0,5$), cho thấy khả năng phân hủy sinh học cao, tương đối dễ xử lý bằng các công nghệ hiện đại.
- **Nước thải chế biến thủy sản** không chứa các chất ô nhiễm độc hại khó phân hủy, kim loại nặng hay chất hữu cơ dai dẳng (POPs) như nước thải ngành công nghiệp hóa chất, điện tử, dệt nhuộm.
- Bản chất ô nhiễm tương đối đồng nhất, dễ đặc trưng hóa và thiết kế hệ thống xử lý riêng biệt. Nếu được thiết kế đúng công nghệ, doanh nghiệp hoàn toàn có thể xử lý triệt để nước thải ngay tại nhà máy.

Nhiều doanh nghiệp thủy sản đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tiên tiến, đạt được tiêu chuẩn Cột A của QCVN 40. Thực tế này cho thấy:

- Doanh nghiệp hoàn toàn có đủ năng lực vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt Cột A một cách độc lập.
- Chi phí đầu tư hệ thống tự xử lý đến Cột A chỉ cao hơn không đáng kể so với hệ thống xử lý đến Cột B (chênh lệch khoảng 2.000 – 3.000 đ/m³ chi phí vận hành).
- Việc bổ sung các bước xử lý nâng cao (nitrification, khử trùng UV) để đạt Cột A từ Cột B là quy trình kỹ thuật khả thi, chi phí thấp.

b) Xử lý tại nguồn hiệu quả hơn xử lý tập trung với nước thải thủy sản

Về mặt khoa học kỹ thuật, xử lý nước thải tại nguồn (on-site treatment) có những ưu điểm vượt trội:

- Hệ thống xử lý được thiết kế riêng biệt phù hợp với đặc tính nước thải của từng dạng sản phẩm, hiệu quả xử lý cao hơn hệ thống tập trung phải xử lý hỗn hợp nhiều loại nước thải công nghiệp khác nhau.
- Tránh được hiện tượng pha loãng các chất ô nhiễm đặc trưng (như N, P hữu cơ từ nước thải thủy sản) khi hòa trộn với nước thải của các ngành công nghiệp khác trong hệ thống tập trung, khiến vi sinh vật xử lý sinh học hoạt động kém hiệu quả hơn.

Khi nguồn nước thải đầu ra của doanh nghiệp đã đạt chuẩn Loại A (mức an toàn cao nhất cho hệ sinh thái), việc gộp dòng nước này để hòa chung với dòng nước thải Loại B tại trạm tập trung KCN là bất hợp lý. Nó không sinh thêm lợi ích nào, mà chỉ đơn thuần là làm loãng nồng độ hoặc rủi ro gây xáo trộn hệ vi sinh cục bộ tại trạm xử lý chung.

c) Quan trắc tự động có thể thay thế kiểm soát tập trung

Công nghệ quan trắc tự động, liên tục (online monitoring) hiện nay đã đủ độ tin cậy để giám sát chất lượng nước thải đầu ra theo thời gian thực. Các thông số quan trọng như COD, BOD, pH, SS, N, P có thể được giám sát 24/7 và kết nối trực tiếp với cơ quan quản lý nhà nước. Điều này tương đương với khả năng kiểm soát môi trường của hệ thống tập trung, thậm chí tốt hơn vì tập trung vào điểm xả thải cuối cùng. Hơn nữa, việc áp dụng Hệ thống quan trắc phát thải liên tục (Continuous Emission Monitoring System - CEMS) sẽ truyền dữ liệu online liên tục 24/7, đảm bảo tính minh bạch của hệ thống xử lý nước thải của DN và giúp các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn kiểm soát được rủi ro tức thời.

Như vậy, mục tiêu bảo vệ môi trường - kiểm soát chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường - hoàn toàn có thể đạt được mà không nhất thiết phải bắt buộc DN đưa nước thải đã xử lý sơ bộ vào hệ thống xử lý tập trung của KCN.

4. Cơ sở thực tiễn

a) Tác động kinh tế - Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN

Thực tiễn hạch toán tài chính cho thấy cơ chế đề xuất mang lại hiệu quả kinh tế cực kỳ to lớn, trực tiếp gia tăng sức chịu đựng cho doanh nghiệp.

- Chi phí tự xử lý thẳng đến chuẩn Loại A của doanh nghiệp thực tế chỉ mất từ 7.500 - 9.500 đ/m³.
- So sánh với mức gánh chi phí kép hiện tại, doanh nghiệp có thể tiết kiệm được một khoảng rất lớn, từ 13.500 -14.500 đ/m³ nước thải.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA HAI MÔ HÌNH

Mô hình	Bước xử lý	Chi phí (đ/m ³)	Ghi chú
I. Mô hình hiện hành 2 bước	Bước 1: DN xử lý nội bộ đến cột B (QCVN 40)	7.500 – 9.000	Do DN chi trả
	Bước 2: Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN xử lý từ cột B → cột A (QCVN 40)	13.500 - 14.500	DN nộp cho KCN
	Tổng chi phí hiện hành (I):	21.000 – 23.500	
II. Mô hình đề xuất	Miễn trừ đầu nối: DN xử lý nước thải đạt đến cột A (QCVN 40) và xả ra nguồn tiếp nhận phù hợp	10.000 – 12.000	Kèm CEMS & giám sát
	⇒ Chênh lệch tiết kiệm (1):	11.000 – 11.500	
	Đầu nối: như 2 bước kể trên ở mục (I), đơn giá KCN xử lý từ cột B => cột A phù hợp.	(7.500 – 9.000) + (7.000– 8.000) = 14.500 – 17.000	Tạm tính: xử lý B => A: 7.000-8.000 đ/m ³
	⇒ Chênh lệch tiết kiệm (2):	6.500	

Với mức tiết kiệm chi phí lớn như trên, có thể giúp các nhà máy chế biến thủy sản giảm chi phí tuân thủ từ vài tỷ VNĐ đến cả chục tỷ đồng/năm/DN (tùy quy mô công suất xả nước thải), nâng cao năng lực cạnh tranh cho cộng đồng DN.

Khoản chi phí tiết kiệm này dư địa lợi nhuận vô cùng quan trọng, cho phép các nhà máy có thể tái đầu tư vào nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của ngành thủy sản. Đối với nhà nước và KCN, giải pháp này giúp giảm tải đáng kể cho hệ thống xử lý tập trung, tránh rủi ro quá tải vật lý vào các khung giờ cao điểm và tối ưu hóa hiệu quả đồng vốn đầu tư hạ tầng.

b) Tránh lãng phí xã hội và giảm tải cho hệ thống xử lý tập trung:

Mô hình "một KCN - một nhà máy xử lý" đôi khi dẫn đến tình trạng độc quyền dịch vụ và lãng phí nguồn lực xã hội khi doanh nghiệp có khả năng tự xử lý với hiệu suất cao hơn, chi phí thấp hơn do tính đặc thù của ngành nghề.

Ngoài ra, hiện nay, hầu hết các KCN đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, không ít hệ thống đã vận hành lâu năm, có thể rủi ro quá tải vào các thời điểm xả thải cao điểm, khó đánh giá hiệu quả. Việc cho phép cơ chế linh hoạt, có kiểm soát – bao gồm cả “miễn trừ đầu nổi” và “đầu nổi trong khuôn khổ hài hòa lợi ích các bên” – khi đó các doanh nghiệp lớn, có năng lực tự xử lý sẽ giúp giảm tải áp lực cho các nhà máy tập trung, tránh quá tải và sự cố môi trường.

c) Không làm giảm hiệu quả bảo vệ môi trường:

Điểm cốt lõi của vấn đề là với giải pháp này, tiêu chuẩn nước thải xả ra môi trường vẫn hoàn toàn **KHÔNG** bị hạ thấp. Bên cạnh đó, trách nhiệm bảo vệ môi trường được xác định rõ ràng, minh bạch đến từng doanh nghiệp.

Như vậy, việc bãi bỏ quy định cứng và có sự điều tiết của nhà nước, đảm bảo linh hoạt và giảm chi phí tuân thủ cho DN là một cải cách thể chế cần thiết, phù hợp với:

- Tinh thần cải thiện môi trường kinh doanh mà Chính phủ đang quyết liệt thực hiện theo các Nghị quyết 02/NQ-CP.
- Xu hướng quản lý môi trường của các nền kinh tế tiên tiến trên thế giới
- Không làm giảm hiệu quả bảo vệ môi trường trong khi giúp các nhà máy giảm chi phí xử lý nước thải.
- Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thủy sản nói riêng và của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung.

B. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI NGHỊ ĐỊNH 346/2025/NĐ-CP

I. VẤN ĐỀ BẤT CẬP

Theo quy định tại điểm d khoản 3, Điều 7 Nghị định 346/2025/NĐ-CP (Nghị định 346) ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, quy định:

“Điều 7: Mức phí, xác định số phí phải nộp đối với nước thải công nghiệp

...

3. Một số trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện như sau:

...

d) Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục thì việc tính tổng lượng nước thải, hàm lượng thông số ô nhiễm được xác định bằng trung bình cộng của 03 số liệu thấp nhất và 03 số liệu cao nhất trong quý tính phí”

Như vậy, giá trị hàm lượng thông số ô nhiễm sử dụng để tính phí là **dữ liệu phút** (tần suất truyền 05 phút/lần) truyền về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc. Tuy nhiên, giá trị này không thể hiện được tính chất đặc trưng của thông số ô nhiễm trong nước thải trong cả quý, làm tăng thêm số tiền phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, không có quy định cụ thể về form mẫu nên khó khăn cho DN trong việc tự kê khai; số lượng dữ liệu lớn, trong công tác hậu kiểm của tổ chức thu phí để xác định DN nộp thiếu, nộp dư hay nộp đủ cũng chưa rõ sẽ thực hiện bằng cách thức nào?

II. NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Hiệp hội VASEP báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Bộ NNMT xem xét sửa đổi Nghị định 346: tại điểm d, khoản 3, Điều 7:

d) Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục thì việc tính tổng lượng nước thải, hàm lượng thông số ô nhiễm được xác định bằng **giá trị trung bình 01 giờ hoặc 24 giờ** trong quý tính phí”.

III. LÝ DO VÀ CƠ SỞ CHO KIẾN NGHỊ-ĐỀ XUẤT KỂ TRÊN

Tại Mẫu số 05.A “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (áp dụng đối với dự án, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường)” ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tại nội dung báo cáo kết quả quan trắc nước thải liên tục, tự động cũng cho sử dụng số liệu giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ để so sánh QCVN.

“1.2. kết quả quan trắc nước thải

...

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

...

- Nhận xét kết quả quan trắc: tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ (đối với các thông số có tần suất dữ liệu nhận được nhỏ hơn 1 giờ); so sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ so với QCVN (đối với các thông số có trong QCVN); thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt quá giới hạn của QCVN; trong những ngày số liệu quan trắc cao bất thường cần có lý giải; thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số)”

Giá trị này sẽ phù hợp để thể hiện được tính chất đặc trưng của thông số ô nhiễm trong nước thải trong cả quý. Đồng thời, không làm tăng thêm số tiền phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho Doanh nghiệp.

Hiệp hội VASEP và cộng đồng doanh nghiệp thủy sản kính đề nghị Bộ NNMT, Ủy ban KHCHN&MT của Quốc Hội, VCCI và Ban soạn thảo xem xét tiếp thu các đề xuất, kiến nghị nêu trên để đưa vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT và các văn

bản hướng dẫn dưới luật đề Luật và các văn bản hướng dẫn khi ban hành vừa đảm bảo mục tiêu quản lý môi trường, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn, và giúp doanh nghiệp thủy sản Việt Nam tăng cạnh tranh, phát triển xuất khẩu thủy sản.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Môi trường;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THỦ KÝ



Nguyễn Hoài Nam